

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày 18/4/2018

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông: Trần Văn Tiền
 2. Bà: Phạm Thị Em
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thuý – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, về việc: “***Xin ly hôn***” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Trương Thị Kim T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: **Lê Quang H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trương Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Lê Quang H tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn thường nhật say về ghen tuông vô cớ kiểm chuyện gây gổ và dùng lời lẽ xúc phạm chị. Chị nhiều lần động viên khuyên giải để tạo điều kiện cho anh H sửa đổi để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân đến nay hơn 01 năm. Nay, chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh H không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn.

Trong thời gian chung sống chị và anh H có 01 con chung tên: Lê Ngọc Yến T, sinh ngày 23/3/2009 hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quang H vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại bản tự khai ngày 30/01/2018 như sau:

Anh và chị Trương Thị Kim T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 09 năm thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên gây gổ và vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 09 tháng. Nay, chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Anh và chị T có 01 con chung tên: Lê Ngọc Yến T, sinh ngày 23/3/2009 hiện đang sống với chị T. Anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe nguyên đơn phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Quang H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ kiện: Chị Trương Thị Kim T và anh Lê Quang H tự nguyện kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống do không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân đến nay được 01 năm. Nay, chị T khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được nên xin ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân và gia đình xuất phát từ tình yêu thương và sự tự nguyện giữa các bên không ai có quyền ngăn cản hay ép buộc. Trong thời gian sống chung do anh H, chị T không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh H cũng thừa nhận anh và chị T xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, anh cũng đồng ý ly hôn nhưng do anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị được.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị T và anh H đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T và anh H được ly hôn.

[3] Trong thời gian chung sống anh H và chị T có 01 con chung tên: Lê Ngọc Yến T, sinh ngày 23/3/2009 hiện đang sống với chị. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng đồng ý. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn

không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện cháu T đang sống với mẹ, chị T vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của cháu sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Xử cho chị T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con (mặc dù Tòa án đã giải thích nhưng chị T vẫn không yêu cầu). Xét đây là sự tự nguyện của chị T nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh H khai không có nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Kim T đối với anh Lê Quang H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Kim T và anh Lê Quang H được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Trương Thị Kim T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Ngọc Yến T, sinh ngày 23/3/2009 cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Kim T phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013380 ngày 08/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân số huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS huyện C;
- Các đường sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng

